TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 9 - 2025
V/v "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con sau khi ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Minh;

2. Bà Trịnh Thị Hồng Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nguyễn Trúc Giang - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoa Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 101/2025/TLST-HN GĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con sau khi ly hôn*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Ngọc T - Sinh năm: 1990.

Địa chỉ: A ấp F, xã B, thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là: số 114A ấp F, xã X, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh.)

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Lê Trọng T1, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: thôn N, xã P, tỉnh Khánh Hòa (trước đây là thôn N, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận).

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 25/4/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc T trình bày:

Bà và ông Lê Trọng T1 có tìm hiểu nhau trong thời gian dài sau đó kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là UBND xã B) theo giấy chứng nhận kết hôn số 43 quyển số 01/2013 ngày 22/02/2013.

Sau khi kết hôn vợ chồng bà sinh sống tại xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, sau này do công việc làm ăn, nên vợ chồng bà thường xuyên đi lại giữa xã P và ấp F, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến giữa năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, ông T1 không quan tâm đến vợ con, không có trách nhiệm chung với gia đình, thường xuyên la mắng, đánh đập vợ con. Từ cuối năm 2023, ông T1 bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã P, bà T ở tại nhà mẹ đẻ ở xã X, ông T1 để mặc cho bà phải tự mình nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Lê Huỳnh Gia H. Đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Vợ chồng bà có 01 con chung tên Lê Huỳnh Gia H, sinh ngày 23/11/2013. Sau khi ly hôn, bà đề nghị Tòa án giao cháu H cho bà được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Trọng T1: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Lê Trọng T1 nhưng ông T1 không đến Tòa làm việc và Tòa án cũng không nhận được ý kiến phản hồi của ông T1 về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Lê Trọng T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Khánh Hòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Hội đồng xét xử đúng thành phần tham gia xét xử, đảm bảo nguyên tắc khi tham gia xét xử.

Căn cứ tài liệu, hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tại biên bản xác minh ngày 06/8/2025 tại công an xã P đã xác định: Bị đơn ông Lê Trọng T1 có hộ khẩu thường trú tại: Thôn N, xã P, tỉnh Khánh Hòa (BL: 29). Căn cứ theo Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Khánh Hòa.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê Trọng T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng ông T1 vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa xét xử không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Nguyên đơn bà T vắng mặt tại phiên tòa đồng thời có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét tiến hành phiên tòa sơ thẩm xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về mặt nội dung:

Tại đơn khởi kiện bà Huỳnh Ngọc T yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Bà Huỳnh Ngọc T xin ly hôn với ông Lê Trọng T1;

+ Bà Huỳnh Ngọc T yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lê Huỳnh Gia H, sinh ngày 23/11/2013. Bà T yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

+ Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Bà T không yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung và giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện còn lại.

Việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của bà T là hoàn toàn tự nguyện, không bị cưỡng ép, đe dọa và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bản trình bày ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật cần giải

quyết của vụ án là *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con sau khi ly hôn"* theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc T:

[3.1] Bà Huỳnh Ngọc T xin ly hôn với ông Lê Trọng T1.

Bà T và ông T1 tự nguyện kết hôn và được UBND xã X cấp giấy chứng nhận kết hôn số 43 quyển số 01/2013 ngày 22/02/2013, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình sống chung giữa bà T và ông T1 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân được xác định như sau: Sau khi kết hôn vào năm 2013, vợ chồng bà T, ông T1 chung sống hạnh phúc, đến giữa năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, ông T1 không quan tâm đến vợ con, không có trách nhiệm chung với gia đình, thường xuyên la mắng, đánh đập vợ con. Từ cuối năm 2023, ông T1 bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã P, không sinh sống cùng bà T và cháu H cho đến nay. Mâu thuẫn giữa bà T, ông T1 đã được Ủy ban nhân dân xã P xác nhận tại Biên bản xác minh ngày 06/8/2025 (BL: 28).

Xét thấy: Bà T và ông T1 vì bất đồng quan điểm sống, thường xuyên mâu thuẫn nên từ cuối năm 2023, đầu năm 2024 đến nay đã không chung sống cùng nhau, thời gian không chung sống đã lâu, giữa hai bên không có sự liên hệ, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, bà T không còn tình cảm với ông T1. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt giấy triệu tập, thông báo cho ông T1 đến Tòa án, tuy nhiên ông T1 không có mặt tại Tòa án để làm việc, điều này thể hiện ý chí của ông T1 không muốn hòa giải, hàn gắn cuộc hôn nhân với bà T. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận hôn nhân của bà T, ông T1 đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

[3.2] Về con chung: Bà Huỳnh Ngọc T yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lê Huỳnh Gia H, sinh ngày 23/11/2013.

Bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H từ năm 2023 cho đến nay, cháu H được bà T cho đi học và nuôi dưỡng, chăm sóc đầy đủ. Xét thấy, cháu H hiện đang có cuộc sống ổn định, được bà T cho đi học và nuôi dưỡng đầy đủ. Việc tiếp tục để bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật, giúp cháu H tiếp tục cuộc sống ổn định, phát triển về thể chất và tâm lý.

Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét.

Từ những phân tích, đánh giá như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Ngọc T.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà T phải chịu 300.000 *(ba trăm ngàn)* đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Ngọc T được ly hôn với ông Lê Trọng T1;

- Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Huỳnh Gia H, sinh ngày 23/11/2013 cho bà Huỳnh Ngọc T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, lao động tự túc được. Ông Lê Trọng T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Khi có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Bà Huỳnh Ngọc T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001538 ngày 07/5/2025 của Chi

Cục thi hành án dân sự huyện Ninh Phước. Bà Huỳnh Ngọc T đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Khánh Hòa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- UBND xã Bà Điểm;
- Phòng KTNV&TH;
- Lưu HS; Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Loan